

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày: 09-11-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đào và ông Phan Xuân Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HS ngày 29/10/2018, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 15/4/1984; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc A và bà Phan Thị Xừ (đều đã chết); vợ Phan Thị Thơm và có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thanh C**, sinh ngày 25/4/1989; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Thiệt và bà Tạ Thị Phê; vợ Chu Thị Hậu và có 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. **Chu Đình H**, sinh ngày 20/11/1993; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông: Chu Văn Lựu và bà Diệp Thị Thành; vợ Phan Thị Thoa (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Từ Đức H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Ông Diệp Xuân D, sinh năm: 1968, nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Bà Phan Thị M, sinh năm: 1962, nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 18/8/2018, sau khi uống rượu xong tại nhà Nguyễn Thanh C thì Chu Đình H, Nguyễn Văn S và Nguyễn Thanh C rủ nhau đi đánh bi a. Khi đi, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô chở theo Nguyễn Thanh C, còn Chu Đình H điều khiển xe mô tô đi một mình. Khi đến quán bi a thấy quán đóng cửa nên cả ba người điều khiển xe mô tô quay về nhà. Trên đường về, khi đi đến đoạn đường giữa C trình nhà văn hóa Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đang xây dựng và nhà chị Nguyễn Thị T thì S phát hiện bên ngoài tường rào, phía bên trái, theo hướng Bắc - Nam nhà chị T có nhiều cây sắt được xếp chồng lên nhau và được phủ bên ngoài bởi tấm bạt màu xanh để cạnh tường rào của chị T để phục vụ cho việc thi công công trình nhà văn hóa thôn 1, xã Quảng Kim. Lúc này, S nảy sinh ý định trộm cắp sắt để đem bán lấy tiền uống rượu nên đã nói với C và H: “Có tiền nhậu đây rồi bây ơi”, rồi nhìn về hướng vị trí để sắt. Khi nghe S nói vậy thì H và C nhìn theo về hướng S đang nhìn và đều phát hiện có nhiều cây sắt để ở phía ngoài tường rào chị T nên hiểu ý câu nói của S là rủ lấy trộm sắt đem bán lấy tiền nhậu. Cả hai đồng ý nên cùng điều khiển xe mô tô đi về nhà C. Tại đây, C nói với S và H: “Xuống lấy ít cây về đem bán lấy tiền nhậu”, còn H bảo lấy sắt đem về cất giấu tại nhà kho của C. Cả ba người đi bộ từ nhà của C đến tường rào nhà chị T (khoảng 50 mét) rồi cùng khiêng sắt đi bộ về nhà kho của C cất giấu. Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H đã vận chuyển khoảng 5 đến 6 lần, với số sắt lấy trộm được là 28 (*Hai mươi tám*) cây sắt xoắn, loại phi 14, mỗi cây sắt dài 11,7 mét, nặng 12,7 kg, được gập cong lại, trên các cây sắt có chữ Vms CB3, sắt chưa

qua sử dụng. Sau khi lấy trộm và cất giấu xong tài sản thì Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H đi về nhà ngủ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐ ngày 24/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Quảng Trạch kết luận, tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 5.740.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Từ Đức H: số lượng 28 (*Hai mươi tám*) cây sắt xoắn, loại phi 14, mỗi cây sắt dài 11,7 mét, nặng 12,7 kg, được gấp cong lại, trên các cây sắt có chữ Vms CB3, sắt chưa qua sử dụng.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSQT ngày 03 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân mỗi bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; các điểm h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 12-15 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Thanh C và Chu Đình H mỗi bị cáo từ 09-12 tháng cải tạo không giam giữ. Về dân sự và xử lý vật chứng: không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản mà các bị cáo đã thực hiện vào

đêm 18/8/2018. Các bị cáo đã lợi dụng đêm khuya vắng và sự sơ hở trong việc bảo vệ, quản lý tài sản của anh Từ Đức H, đã lén lút lấy trộm 28 cây sắt để bán lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản mà các bị cáo gây ra là 5.740.000 đồng. Xét thấy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra hoàn toàn phù hợp và thống nhất, thống nhất với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cùng các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân.

Vụ án có ba bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên tính chất đồng phạm chỉ ở mức độ giản đơn, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ hay phân C vai trò, vị trí cụ thể trước khi phạm tội mà việc phạm tội nảy sinh và được thực hiện khi có người đề xướng, rủ rê thì cả bọn cùng đồng thuận thống nhất ý chí thực hiện.

Trong ba bị cáo thì Nguyễn Văn S là người giữ vai trò quan trọng nhất. S đã gợi ý bị cáo C và bị cáo H lấy trộm sắt để bán, đồng thời bị cáo cũng là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách tích cực. Vì vậy, bị cáo S phải chịu trách nhiệm chính với mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo Nguyễn Thanh C và Chu Đình H là những đồng phạm với vai trò giúp sức, góp phần quan trọng để hoàn thành tội phạm. Sau khi nghe bị cáo S gợi ý thì bị cáo C và bị cáo H đã hưởng ứng, đồng thuận cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy các bị cáo đều phải bị xử lý nghiêm với mức hình phạt tương xứng, phù hợp vai trò của từng bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng thì các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo là những người đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản chiếm đoạt chỉ hơn 5.000.000 đồng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng khắc phục, sửa chữa lỗi lầm; người bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn S có bố, mẹ và bị cáo Nguyễn Thanh C

có bố là người đã có C với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho các bị cáo theo điều kiện mà mỗi bị cáo được hưởng.

Quá trình tranh tụng C khai tại phiên tòa đã phân tích, đánh giá một cách khách quan, toàn diện nội dung vụ án, quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về điểm, khoản, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với mỗi bị cáo, ý kiến của người bị hại xét thấy là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Xét các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H có đơn trình bày hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có chính quyền địa phương xác nhận vì vậy miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ kịp thời giao trả cho người bị hại anh Từ Đức H. Trong quá trình điều tra và đến tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng liên quan đến vụ án đã được xử lý trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 36; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh C** và bị cáo **Chu Đình H** mỗi bị cáo 10 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H

Giao các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

3. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thanh C và Chu Đình H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/11/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- C an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

